TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 799/2025/DS-ST
Ngày: 30/05/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hòa Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 2424/2023/TLST-DS ngày 19/12/2023, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2025/QĐXX – ST ngày 21/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐ – HPT ngày 14/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Địa chỉ: 442 đường NTMK, Phường O, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Minh Q (Giấy ủy quyền số 1304/UQ-QLN.24 ngày 22/8/2024 (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu 8 Tòa nhà ACB – Số 444A-446 CMTT, Phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T (Vắng mặt)

Địa chỉ: 343 đường PVT, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2023, các bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần C (gọi tắt là ACB) cấp tín dụng cho bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T căn cứ theo:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 4219206033300 ngày 24/7/2019 được ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C với bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T, kèm các Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và Các văn bản khác của bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

Thẻ chính Cấp cho bà Trần Thị N; Số thẻ tín dụng là 4365 9990 0007 4355; ngày cấp 25/7/2019; Loại thẻ: Signature; Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 7/2022.

Thẻ phụ Cấp cho ông Nguyễn Cao T; Số thẻ tín dụng là 4365 9990 0007 4363; Ngày cấp 25/7/2019; Loại thẻ: Signature; Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: Tháng 7/2022.

Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB - là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Lãi suất và phí: (Mục 5.5, Điều 5 - Các khoản ghi nợ vào tài khoản thẻ, cách tính lãi, phí) Theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì *"Mức lãi suất, phí và cách tính lãi, được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do ACB phát hành trong từng thời kỳ. Biêu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. ACB có thê thay đôi Biêu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ...",* cụ thể:

- Từ ngày 25/7/2019 (ngày cấp thẻ tín dụng) đến trước ngày chuyền nợ quá hạn (ngày 20/3/2023): Lãi suất trong hạn 27%/năm.

- Lãi suất quá hạn: 150% x 27%/năm = 40.5%/năm, áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn (ngày 20/3/2022) đến ngày thay đổi lãi suất (ngày 14/7/2023).

- Từ ngày thay đổi lãi suất (ngày 14/7/2023): Lãi trong hạn là 30%/năm. - Lãi suất quá hạn: 150% x 30% = 45,0%/năm, áp dụng từ ngày thay đổi lãi suất đến nay. Các khoản phí phát sinh gồm: phí thường niên, phí rút tiền mặt, phí không thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu theo quy định.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng thẻ, từ ngày 25/7/2019 bà N và ông T đã tham gia rất nhiều các giao dịch và đã được thể hiện trong bản sao kê cung cấp cho hội đồng xét xử. Tuy nhiên, từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 3 năm 2024 bà N và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do đó, căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/3/2023.

Kể từ ngày 20/3/2023 đến ngày 30/5/2025, bị đơn chỉ thánh toán cho ACB số tiền 53 đồng (Đính kèm bản tính lãi đến ngày 30/5/2025)

Dư nợ gốc tạm tính đến ngày 30/5/2025 421.840.342 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 226.935.958 đồng, lãi quá hạn 194.904.384 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi cho mình, Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã nộp khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T phải trả ngay cho ACB tổng số nợ còn thiếu tinh đên ngày 30/5/2025 với tổng số tiền là 421.840.342 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 226.935.958 đồng, lãi quá hạn 194.904.384 đồng.

2. Buộc bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB, tính kể từ ngày 31/5/2025 cho đến ngày trả hết nợ trên.

Bị đơn bà Trần Thị N và ông Ngyễn Cao T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Minh Q là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện và các bản tự khai như đã trình bày ở trên và cung cấp thêm cho Hội đồng xét xử các văn bản Tóm tắt sao kê từ ngày 24/8/2019 đến ngày 24/2/2023; Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng (Từ ngày 25/7/2019 đến ngày 20/4/2023 của khách hàng Trần Thị N; Văn bản số 343/NVQĐ-TTT.20 ngày 28/9/2020 Quy định về biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do ACB phát hành.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

+ Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, người đại diện đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C với bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1060/2024/QĐ-CCTLCC ngày 15/4/2024 của Công an Phường 11, quận Bình Thạnh trả lời: Đương sự Trần Thị N sinh năm 1980 và Nguyễn Cao T, sinh năm 1983 có hộ khẩu thường trú tại 343 đường PVT, Phường N, quận T, nhà bán đi không còn ở địa phương từ năm 2018 đến nay, hiện đi đâu không rõ, không liên lạc được. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ, khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới"*. Khi tham gia giao kết hợp đồng bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T cung cấp Địa chỉ cư ngụ trong hợp đồng tại số 343 Phan Văn Trị, Phường 11, quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi có địa chỉ tại số 343 đường PVT, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo luật định nhưng đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án về việc buộc Bị đơn bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng tạm tính đến 30/5/2025 với tổng số tiền là: 421.840.342 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 226.935.958 đồng; Lãi quá hạn: 194.904.384 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ số

4219206033300 được ký kết giữa bà N và ông T và Ngân hàng là tự nguyện, không bị ép buộc và không vi phạm điều cấm. Hình Thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 118, 119, 401, 463, 464, 465, 466, của Bộ luật dân sự; Điều 90 Luật tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực. Do đó, các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Căn cứ vào tại liệu chứng cư cho thấy từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 3 năm 2024 bà N và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo quy định tại Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ACB nên ngày 23/03/2023, Ngân hàng ACB đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ là phù hợp với quy định tại Điều 11 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (mục 5.5 Điều 5 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của ngân hàng thương mại cổ phần C.

Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2025 với tổng số tiền là 421.840.342 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 226.935.958 đồng; Lãi quá hạn: 194.904.384 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật để chấp nhận toàn bộ yêu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, đồng thời điều này cũng phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 31/5/2025 cho đến ngày trả hết số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

3.Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 470; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các khoản 3 và 4 Điều 8, Điều 10, điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần C

Buộc bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền còn nợ tính đến ngày 30/5/2025 với tổng số tiền là 421.840.342 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc: 226.935.958 đồng; Lãi quá hạn: 194.904.384 đồng.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 31/5/2025, bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉ cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Cao T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.873.614 đồng (Hai mươi triệu tám trăm bảy mười ba ngàn sáu trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần C không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.595.000 đồng (Sáu triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0029201 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
-TAND TP. HCM;
-VKSND quận Bình Thạnh;
-THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(chủ tọa đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thủy